



**Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ**

Website: jsde.nctu.edu.vn



Lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức và những vấn đề thực tiễn, pháp lý đối với Việt Nam

Bùi Thị Đào^{1*}

¹Trường Đại học Luật Hà Nội

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Bùi Thị Đào (email: buithidao@hlu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 18/02/2025

Ngày phản biện: 12/03/2025

Ngày duyệt đăng: 30/3/2025

Title: Labor and employment in the informal economic sector and practical and legal issues for Vietnam

Keywords: employment, labor, informal economy

Từ khóa: kinh tế phi chính thức, lao động, việc làm

ABSTRACT

In Vietnam, under the pressure of global integration driven by Industry 4.0, labor and employment issues pose a significant challenge to the stability and development of the economy. The informal economic sector faces substantial limitations and difficulties in keeping pace with the industrial economic sector, which enjoys more advantages and has a long-established development. This article explores additional theoretical and legal aspects, including: An overview of the informal economic sector; The role of international organizations in labor and employment issues within the informal economic sector; Some practical and legal issues concerning labor and employment in Vietnam's informal economic sector today.

TÓM TẮT

Ở Việt Nam, trước yêu cầu hội nhập toàn cầu hoá của Cách mạng 4.0 vấn đề lao động, việc làm là một thách thức vô cùng lớn đối với sự ổn định, phát triển của nền kinh tế. Theo đó, khu vực kinh tế phi chính thức có những hạn chế, khó khăn rất lớn để bắt nhịp cùng khu vực kinh tế công nghiệp có nhiều thuận lợi và phát triển lâu đời. Nghiên cứu này kiến giải thêm những vấn đề lý luận nhận thức và thực tiễn gồm: Khái quát về khu vực kinh tế phi chính thức; Vai trò của các tổ chức quốc tế đối với vấn đề lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức; Một số vấn đề về thực tiễn, pháp lý của lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam hiện nay.

1. GIỚI THIỆU

Lao động, việc làm là những yếu tố gắn với quá trình tồn tại và phát triển của cuộc sống mỗi người và xã hội loài người. Theo đó, sự khác biệt về môi trường, địa vị về quyền lao động đã tạo nên khu vực kinh tế phi chính thức gắn với những người yếu thế, nghèo khổ và nhiều rủi ro ở bất cứ quốc gia nào. Ngày nay, chống đói nghèo, phân hoá xã hội trong môi trường Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang đòi hỏi một cơ chế pháp lý, một thoả ước xã hội hữu hiệu về lao động, việc làm mang tính toàn cầu với sự chung tay của mọi quốc gia. Bài viết tập trung nghiên cứu góc độ thực tiễn, pháp lý về lao động, việc làm đối với khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội kết hợp giữa lý luận và thực tiễn như phương pháp phân tích - tổng hợp dùng để thu thập và phân tích các tài liệu, số liệu thống kê và các công trình nghiên cứu liên quan nhằm làm rõ các vấn đề về lao động, việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức; Phương pháp so sánh được dùng để chiếu chính sách, quy định pháp luật của Việt Nam với các tiêu chuẩn quốc tế để đánh giá mức độ phù hợp và đề xuất giải pháp hoàn thiện; Phương pháp luận chứng dựa trên các số liệu thực tế về lao động phi chính thức để từ đó đánh giá tác động đến kinh tế - xã hội. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp đánh giá để xem xét hiệu quả của các chính sách hiện hành, chỉ ra những hạn chế và đề xuất các điều chỉnh cần thiết để đảm bảo quyền lợi cho lao động khu vực phi chính thức.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Khái quát về khu vực kinh tế phi chính thức

Trong kinh tế học, thuật ngữ “khu vực kinh tế phi chính thức” xuất hiện do Hart là người đầu tiên đề xuất (1973) để mô tả một khu vực kinh tế truyền thống ở các nền kinh tế đang phát triển, sau này thuật ngữ này được rút gọn gọi là kinh tế phi chính thức. Khởi nguyên của sự phân biệt giữa khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức là dựa trên sự phân biệt giữa lao động được trả lương và lao động tự làm. Ngày nay, khi đề cập đến quyền lao động, việc làm thông thường trong các văn kiện pháp lý quốc tế cũng thường xuyên sử dụng cả hai thuật ngữ để nói lên sự khác biệt so với khu vực kinh tế chính thức được đầu tư và có nhiều yếu tố hơn hẳn về phương thức sản xuất, cơ cấu kinh tế, điều kiện lao động, thu nhập và các chế độ hưởng lợi đi kèm. Trong đó đáng kể và quan trọng nhất là các văn bản Tuyên bố về Các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc (năm 1998), Chương trình nghị sự về Việc làm bền vững (năm 1999) và Chiến lược về các quyền lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức (năm 2002). Trong các tài liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO, 1972) về các nước châu Phi. Năm 1993, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD) đã thống nhất đưa ra khái niệm về khu vực kinh tế phi chính thức và lao động phi chính thức: “*Khu vực kinh tế phi chính thức được hiểu một cách chung nhất, là tập hợp các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra việc làm và thu nhập cho người lao động. Các đơn vị này thường hoạt động với tổ chức quy mô nhỏ, quan hệ lao động chủ yếu dựa trên lao động không thường xuyên, quan hệ họ hàng hoặc quan hệ cá nhân hơn là những quan hệ qua hợp đồng với những đảm bảo chỉ nh thức*”. Các văn bản này ra đời đã tạo ra hiệu ứng ủng hộ rộng rãi của các quốc gia, người lao động,

các tổ chức công đoàn, ban đại diện của người lao động và các tổ chức phi chính phủ khác. Ở Việt Nam, theo Công văn số 1127/TCTK-TKQG của Tổng cục Thống kê, ngày 13/9/2019 về hướng dẫn sử dụng khái niệm khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình, khu vực phi chính thức được định nghĩa “*Khu vực phi chính thức bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản xuất ra sản phẩm (vật chất, dịch vụ) để bán, trao đổi và không phải đăng ký kinh doanh*”. Theo đó, tiêu chí xác định khu vực phi chính thức là: (i) Cơ sở sản xuất kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh; (ii) Phạm vi khu vực phi chính thức bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế, trừ các ngành: Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; (iii) Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng và bảo đảm xã hội bắt buộc; (iv) Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác. Trong đó, lưu ý là: các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh doanh có điều kiện không thuộc khu vực phi chính thức. Như vậy, khái niệm nền kinh tế phi chính thức được hiểu là các hoạt động kinh tế của người lao động và các đơn vị kinh tế mà trên phương diện qui định pháp luật hoặc trên thực tế không được điều chỉnh hoặc được điều chỉnh đầy đủ trong các thỏa ước chính thức điều chỉnh doanh nghiệp và quan hệ lao động. Thuật ngữ “nền kinh tế” ở đây không có nội hàm rộng như nền kinh tế của quốc gia mà chủ yếu nói đến sự thấp kém trong lao động, manh mún về tổ chức, trong sản xuất kinh doanh và chứa đựng nhiều rủi ro thực tế. Nói chung, đó là một phần hay một mảng kinh tế xã hội của những người nghèo, thiếu thốn các điều kiện cải thiện, phát triển đời sống về mọi mặt. Họ có thu nhập thấp,

thiếu ổn định do năng suất lao động thấp, điều kiện lao động trong môi trường đa phần là độc hại, tiềm ẩn rủi ro bệnh tật, tội phạm. Phần lớn những người kiếm kế sinh nhai trong khu vực kinh tế này là ở nông thôn, chủ yếu là phụ nữ, trẻ em thậm chí ở quốc gia kém phát triển hiện nay còn tồn tại nô lệ sống vô gia cư ở khu vực này. Theo quan điểm của Tổ chức Lao động Thế giới - ILO (2002) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế - OECD (2002) lại coi đây là “kinh tế chưa được giám sát” với các thành tố sau: Nền kinh tế phi chính thức (thoát khỏi một phần hoặc hoàn toàn các quy định của Nhà nước, đặc biệt là ở các nước đang phát triển: lao động tự làm); kinh tế ngầm (tránh các quy định của Nhà nước nhằm có ý khai thác doanh số, kiểu chợ đen nhằm tránh kiểm toán thuế) và kinh tế bất hợp pháp (buôn bán các sản phẩm và dịch vụ bất hợp pháp như ma túy, mại dâm,...). Kinh tế phi chính thức bao gồm cả khu vực kinh tế phi chính thức và việc làm phi chính thức. Khu vực kinh tế phi chính thức được hiểu ở đây gồm tất cả các hộ sản xuất, kinh doanh chưa có tư cách pháp nhân, chưa đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực phi nông, lâm nghiệp, thủy sản nhưng vẫn sản xuất các hàng hóa, dịch vụ để bán hoặc trao đổi trên thị trường. Còn việc làm phi chính thức được hiểu là việc làm không có bảo hiểm xã hội, nghĩa là việc làm của cả khu vực kinh tế phi chính thức và có thể một phần việc làm của khu vực kinh tế chính thức. Đối với các quốc gia kém hoặc đang phát triển thì khu vực kinh tế phi chính thức vẫn hiện diện ở những mức độ nhiều hoặc ít với những tình cảnh khác nhau. Liên hiệp quốc đã có nhiều chính sách bảo trợ giúp các quốc gia này từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh để thoát nghèo và lam lũ. Những chính sách đó hướng tới việc thực thi chính sách tạo việc làm bền vững và trao

quyền pháp lý cho người nghèo. Xét về bản chất pháp lý, trong một quốc gia công dân có các quyền lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức là không phân hoá sự khác biệt với khu vực kinh tế chính thức, phát triển. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố tồn tại xã hội và lịch sử đem lại trên thực tế đã có sự khác biệt về năng lực nhận thức về qui định pháp luật và thực quyền. Do đó, các nhà nước cần xem xét tính đặc thù về ngành nghề khu vực để trao cho các cá nhân khu vực này những quyền pháp lý có ích trực tiếp để họ lựa chọn tăng thu nhập và việc làm. Dưới góc độ tổng quan, không hoàn toàn phủ nhận khu vực kinh tế phi chính thức có những đóng góp nhất định vào nguồn thu ngân sách quốc gia và giải quyết những vấn đề thực tại yếu kém của nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, có quá nhiều mặt, nhiều vấn đề hạn chế mà kinh tế phi chính thức khó đồng hành cùng sự phát triển tổng thể của nền kinh tế quốc gia trong môi trường đổi mới, hội nhập. Nền kinh tế phi chính thức có những đặc điểm:

- Cơ sở nền tảng kinh tế thấp kém, manh mún, nhân lực lao động có cả người già, trẻ em, phụ nữ có trình độ thấp do ít được đào tạo chuyên sâu, năng suất lao động hạn chế.

- Hệ thống ngành, nghề thiếu sự phân hoá lao động mà chủ yếu lao động thời vụ, hầu hết thiếu hợp đồng lao động

- Kinh tế phi chính thức tồn tại nhiều mảng kinh tế ngầm, kinh tế chi phối từ các yếu tố chính trị, quyền lực, lợi ích nhóm, cục bộ khu vực, bóc lột lao động trẻ em người yếu thế.

- Hoạt động kinh tế phạm vi bó hẹp, tự cung tự cấp gắn với nhu cầu gia đình cấp là phương thức lưu thông không tuần hoàn tồn tại chủ yếu, các hoạt động kinh tế cũng không được nhận diện cập nhật trong thống kê số liệu của quốc gia theo định kỳ và hàng năm. Ở nước ta, Tổng cục Thống kê

ban hành Công văn số 1127/TCTK-TKQG “Về hướng dẫn sử dụng khái niệm khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình”. Theo đó, “*Khu vực phi chính thức bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản xuất sản phẩm (vật chất, dịch vụ) để bán, trao đổi và không phải đăng ký kinh doanh*” [1]. Theo Tổng cục Thống kê, hiện nay, khái niệm về lao động phi chính thức được hiểu là những lao động có việc làm bấp bênh, thiếu ổn định, thu nhập thấp, không có hợp đồng lao động hoặc có, nhưng không được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, không được chi trả các chế độ phụ cấp và các khoản phúc lợi xã hội khác. Ở Việt Nam, về mặt khái niệm thường ít dùng thuật ngữ kinh tế phi chính thức và thực tế việc thống kê kết quả hoạt động kinh tế, lao động việc làm và đánh giá chi tiết số liệu các yếu tố ảnh hưởng đời sống, thu nhập và an sinh xã hội ở khu vực này còn rất hạn chế. Mãi đến năm 2019, Chính phủ Việt Nam mới bắt đầu phê duyệt Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát (kinh tế phi chính thức) do Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, theo đó nội dung, phạm vi của đề án thực hiện với các mục tiêu phục vụ cho đánh giá sát thực hơn:

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế chưa được quan sát nhằm phản ánh đầy đủ, toàn diện hơn phạm vi, quy mô của nền kinh tế.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ thống kê nói chung và nghiệp vụ biên soạn tài khoản quốc gia nói riêng, từng bước tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ thống kê quốc tế,

- Góp phần bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với nền kinh tế.

Theo đó, đề án gồm 5 nhóm: Hoạt động kinh tế ngầm; hoạt động kinh tế bất hợp pháp; hoạt động kinh tế phi chính thức chưa được quan sát; hoạt động kinh tế tự sản, tự tiêu của hộ gia đình; hoạt động kinh tế bị bỏ sót trong các chương trình thu thập dữ liệu thống kê. Các cơ sở thuộc khu vực phi chính thức cũng đã rất nhạy bén trong việc tiếp cận các công nghệ mới để ứng dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh, chuyển đổi hình thức hoạt động. Chẳng hạn, nghề xe ôm trước đây vận hành bằng cách trao đổi trực tiếp đã được các công ty công nghệ phát triển trên nền tảng gọi xe trực tuyến như Grab, GoViet, Be, Maxim, là dịch vụ giao hàng trực tuyến giao đồ ăn, đang chiếm ưu thế tiếp cận được khách hàng. Các công ty giao hàng ăn nhanh như Now, Grab, Baemin... đã phát triển ứng dụng đặt và giao đồ ăn dựa trên dữ liệu rất lớn từ các nhà hàng, quán ăn và cả thông tin về nhu cầu, sở thích của khách hàng. Tương tự “xe ôm công nghệ”, các đối tác của các công ty này chỉ cần trang bị xe máy, điện thoại thông minh đã có thể hoạt động trong nghề này. Với đặc thù là những hàng quán nằm trên các con đường nhỏ, ngõ hẻm thì với việc đặt hàng, giao đồ ăn bằng xe máy rất thuận tiện, tiết kiệm chi phí, tiếp cận khách hàng nhanh.

3.2 Vai trò của các tổ chức quốc tế đối với vấn đề lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức

Liên hợp quốc thông qua các thiết chế thành viên có mặt hầu hết ở các quốc gia để hỗ trợ, giúp đỡ nhiều mặt thuộc chính sách kinh tế, xã hội và đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng sự đồng thuận quốc tế trong những nỗ lực thúc đẩy phát triển. Từ năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đề ra các chiến lược phát triển cho từng thập kỷ nhằm huy động hợp tác quốc tế cho các mục tiêu phát triển chung, nhất là ở các nước đang phát

triển; bên cạnh đó, các tổ chức Liên hợp quốc đã có sự hỗ trợ trực tiếp về vốn, tri thức cho các nỗ lực phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục và y tế của các nước này. Tại Hội nghị Thượng đỉnh thiên niên kỷ (9/2000), các nhà lãnh đạo thông qua Các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ nhằm xóa bỏ đói nghèo, thúc đẩy giáo dục, bình đẳng giới, giảm tỷ lệ tử vong trẻ em, cải thiện sức khỏe bà mẹ, phòng chống HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác, bảo đảm bền vững về môi trường, và tăng cường quan hệ đối tác phát triển. Đặc biệt, Liên hiệp quốc đã nhận thấy sự bất bình đẳng giữa các nền kinh tế phát triển (các nước G7, G20) so với mặt bằng các nước kém phát triển nơi mà kinh tế phi chính thức còn phổ biến. Từ kết quả đáng quan ngại về đời sống toàn cầu nhất là đối với các quốc gia tụt hậu, kém phát triển, Liên hiệp quốc đưa ra nhiều giải pháp pháp lý và thực tiễn nhằm giảm thiểu, thu hẹp khoảng cách thu nhập, mức sống và an sinh xã hội trên toàn cầu. Có thể khái quát gồm:

- Khẳng định nhân loại cần được sống trong môi trường có sự quan tâm chia sẻ, khuyến cáo đề nghị các quốc gia cần có trách nhiệm với cộng đồng để bắt tay chống nghèo đói, phân biệt đối xử vì sự phát triển bền vững. Nhằm hướng tới đạt được mục tiêu thiên niên kỷ (MDG5), coi Chương trình nghị sự phát triển bền vững là mục tiêu toàn cầu chứ không chỉ là của riêng tổ chức lao động quốc tế (ILO). Do đó, phát triển bền vững với nội dung tuyên bố và các giải pháp được đặt ra với cả khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức. Hướng tới cộng đồng quốc tế về quyền lao động, bảo vệ người lao động trong môi trường mới nhiều biến động của nền kinh tế phi chính thức.

- Hình thành một thoả ước xã hội toàn cầu với những nguyên tắc cơ bản nhằm đem lại cơ hội cho

các quốc gia nghèo và các khu vực kinh tế phi chính thức ở mọi quốc gia có sự thay đổi căn bản về nhận thức pháp lý đối với lao động, việc làm, giới tính. Qua đó giúp mỗi cá nhân có thể hiểu thêm được quyền pháp lý về tài sản, các quyền năng trong lĩnh vực kinh tế, dân sự, hôn nhân gia đình và từng bước làm chủ và quản trị cuộc sống của mình.

- Liên hiệp quốc coi trọng vấn đề trao quyền pháp lý cho người nghèo là một đòi hỏi để thúc đẩy tư duy giải phóng sức lao động, đổi mới phương thức lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức. Theo đó nhấn mạnh, các quyền cần phải được thiết lập trong khu vực kinh tế phi chính thức phù hợp với Tuyên bố về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc và ba phương diện cốt lõi liên quan đến môi trường, điều kiện làm việc: sức khoẻ và an toàn lao động; thời gian làm việc và thụ hưởng thu nhập kết quả lao động việc làm thực tế. Coi trọng trao quyền pháp lý đặc thù cho người nghèo để họ hiểu và thúc đẩy động cơ hành vi chủ động thực thi nội dung qui định pháp luật. Chìa khoá quan trọng ở đây là quá trình liên kết các sáng kiến kinh tế, lao động, việc làm giữa chính sách công và tư cho một nền kinh tế hài hoà, hội nhập và bình đẳng.

- Bên cạnh đó, các văn bản pháp lý quốc tế có tính bảo trợ toàn cầu về lao động, việc làm như Tuyên ngôn về quyền con người ghi nhận và khẳng định bảo trợ xã hội được coi như là một quyền xã hội cơ bản của tất cả mọi người hay là cả nhân loại nói chung. Cơ chế quyền lực nhà nước phải coi trọng và hình thành cơ chế bảo trợ xã hội, phải mở rộng tới các đối tượng lao động, việc làm khác nhau và ở những khu vực khác nhau. Đó cũng là nhân tố thúc đẩy bình đẳng giới trong lao động, việc làm, hài hoà hoá các các giá

trị xã hội với nghĩa vụ bảo đảm điều kiện phát triển.

- Các thiết chế ngân hàng thế giới, quỹ tiền tệ quốc tế (Bank World, IMF), tổ chức Lao động quốc tế (ILO), tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ và những tổ chức xã hội nghề nghiệp là những chủ thể có vai trò quan trọng đối với quá trình cải cách, thực hiện hoặc hỗ trợ trao quyền pháp lý về lao động, việc làm ủng hộ phát triển kinh tế tuần hoàn, xanh và bền vững trong cả khu vực kinh tế công và tư.

Đối với Việt Nam, các tổ chức quốc tế đã phối hợp, hỗ trợ nhiều mặt trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, trong đó có vấn đề lao động việc làm. Khung Chương trình hợp tác Quốc gia Việt Nam - ILO về Việc làm thỏa đáng giai đoạn 2022 – 2026 đã được công bố và ký kết giữa đại diện của Chính phủ, người lao động, người sử dụng lao động và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO).

3.3 Một số vấn đề về thực tiễn, pháp lý của lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam hiện nay

3.3.1 Về phương diện thực tiễn

Áp lực của Cách mạng công nghệ 4.0 và thời đại số:

Hiện nay ở nước ta đã và đang bước vào con đường hội nhập, toàn cầu hoá, số hoá với yêu cầu không thể chậm, không thể đứng ngoài và trông chờ lợi thế tự thân đem đến cho phát triển công nghiệp bán dẫn, công nghệ số, AI, siêu điện toán...vv. Một kỷ nguyên mới của nhân loại đang làm thay đổi toàn diện tư duy, kỹ năng, hiệu quả của khoa học kỹ thuật đem lại với sức sáng tạo không hạn định để giải phóng lao động con người. Điều đó sẽ làm thay đổi bản chất, đặc tính hiệu suất của lao động, việc làm trên thực tế và kéo theo sự hình thành, thay đổi tính chất của hệ thống quan hệ xã hội hình thành trong môi trường mới.

Công nghiệp 4.0 có thể mang lại sự bất bình đẳng lớn hơn, đặc biệt là ở khả năng phá vỡ thị trường lao động. Khi tự động hóa thay thế cho người lao động trong toàn bộ nền kinh tế có thể làm trầm trọng thêm sự chênh lệch giữa lợi nhuận so với vốn đầu tư và lợi nhuận so với sức lao động. Mặt khác, quá trình con người được thay thế bằng công nghệ này cũng có thể sẽ dẫn đến sự gia tăng các việc làm, nâng cao năng suất đối với những công việc hiện tại đồng thời tạo ra nhu cầu về những công việc hoàn toàn mới. Áp lực từ thực tiễn của Cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế số, xã hội số, quản trị số đã và đang đặt ra trên thực tiễn về đổi mới tư duy, nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đầu tư vốn...là những bài toán không dễ giải quyết đồng bộ cùng thời điểm và đảm bảo đáp ứng đủ.

Những kết quả bước đầu đạt được: Theo đánh giá của Chính phủ, sau hơn 35 năm đổi mới đất nước, thị trường lao động Việt Nam đã có bước phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế. Hệ thống thể chế, chính sách thị trường lao động được hoàn thiện; quan hệ cung - cầu lao động gia tăng; chất lượng việc làm ngày càng cải thiện; từng bước chính thức hóa việc làm phi chính thức. Về cơ cấu lao động có bước chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp và dịch vụ. Đồng thời giảm nhanh tỷ trọng việc làm dễ bị tổn thương, tăng tỷ lệ việc làm được bảo vệ; người lao động Việt Nam từng bước đảm nhiệm được những công việc phức tạp mà trước đây phải cần tới chuyên gia nước ngoài. Lợi ích về tiền lương và thu nhập của người lao động được cải thiện rõ rệt; năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của lực lượng lao động được nâng

lên, đóng góp quan trọng vào những thành tựu về kinh tế - xã hội Việt Nam đạt được trong thời gian qua. Lao động phi chính thức ở nước ta vẫn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng hơn 3/5 tổng số lao động có việc làm của cả nước. Điều này khiến thị trường lao động chưa có sự cải thiện nhiều về chất lượng nguồn nhân lực. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, số lao động phi chính thức trong nước là 33,4 triệu người [2]. Theo số liệu thống kê cho thấy, khu vực kinh tế phi chính thức đang chiếm khoảng 4,14% quy mô GDP nền kinh tế, trong đó Hà Nội, TP.HCM là hai thành phố có khu vực kinh tế phi chính thức lớn nhất cả nước. Chỉ tính riêng năm 2021 khu vực này cũng đã tạo ra giá trị tăng thêm gần 351.000 tỉ đồng, tương đương khoảng 14,7 tỉ USD [3]. Tuy nhiên, tính chung 6 tháng đầu năm 2024, số lao động phi chính thức là 33,4 triệu người, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 65%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023. Mặc dù tình hình kinh tế-xã hội đã khởi sắc hơn, số lao động có việc làm đã tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng tỷ lệ lao động phi chính thức vẫn khá cao. Điều này cho thấy, thị trường lao động đã dần hồi phục nhưng chưa bền vững.

- Về đào tạo nguồn nhân lực ngày càng đa dạng về loại hình, trình độ đào tạo và mô hình hoạt động với tổng số 1.911 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tạo cơ hội cho người lao động, nhất là lao động trẻ khu vực phi chính thức tiếp cận công bằng. Nhờ đó, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ sơ cấp trở lên đến năm 2020 đạt 24,1%, tạo điều kiện tiên quyết và cơ hội cho lao động tự tạo việc làm khu vực phi chính thức hoặc chuyển vào làm việc khu vực chính thức[1].

Thực tiễn cho thấy, trong thời gian qua được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổ chức lao động quốc tế

ILO, Việt Nam đã có biến chuyển tích cực quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, trong đó có vấn đề lao động việc làm ở cả khu vực công và tư. Kể từ khi Chương trình nghị sự về Việc làm thỏa đáng được ILO phát động trên toàn cầu, Việt Nam và ILO đã cùng xây dựng và ký kết thực hiện 3 chu kỳ hợp tác cho giai đoạn 2006 - 2010, 2012 - 2016 và 2017 - 2021. Khung Chương trình hợp tác Quốc gia Việt Nam - ILO lần thứ tư về Việc làm thỏa đáng giai đoạn 2022 - 2026 đã được công bố và ký kết giữa đại diện của Chính phủ, người lao động, người sử dụng lao động và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). Theo ý kiến của Bộ trưởng Đào Ngọc Dung: *"Trong ba chu kỳ hợp tác vừa qua, ILO đã luôn đồng hành cùng với các đối tác ba bên của Việt Nam triển khai hiệu quả chương trình việc làm thỏa đáng, góp phần thúc đẩy công bằng và tiến bộ xã hội. Trong chu kỳ hợp tác lần thứ tư này, Chính phủ Việt Nam tiếp tục đặt trọng tâm vào vấn đề việc làm, phát triển nguồn nhân lực và an sinh xã hội gắn với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh mới, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, cân bằng giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội, đảm bảo quyền lợi của người lao động, của doanh nghiệp và của xã hội"* [4].

Những khó khăn, tồn tại về thực tiễn: Thực tế bên cạnh những thuận lợi và kết quả đạt được khu vực kinh tế phi truyền thống ở nước ta vẫn còn đó nhiều vấn đề thực tiễn không đảm bảo đồng bộ có sự ảnh hưởng sâu rộng, lâu dài đối với sự phát triển và hài hoà nền kinh tế nói chung. Cụ thể:

- Dưới góc độ lịch sử, Việt Nam là quốc gia châu Á thuộc nền văn minh lúa nước có nền tảng cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội chậm phát triển hơn so với các quốc gia ở phương Tây. Thực tiễn cho thấy nền kinh tế khép kín, tự cung, tự cấp gắn liền với lối sống quần cư lâu đời của người Việt đó

thực chất là sự hiện diện của một nền kinh tế phi chính thức kéo dài bền vững, bảo thủ trong khi phương Tây chuyển sang nền kinh tế chính thức của đại công nghiệp phổ biến trên thế giới.

- Bên cạnh đó, theo chiều dài lịch sử đất nước ta gắn liền những cuộc chiến dai dẳng chống ngoại xâm đã kéo theo sự lạc hậu và tụt hậu sâu hơn so với nhân loại. Đồng thời, với sự hiện diện của nền kinh tế thời chiến mang tính tập trung, bao cấp chi phối từ nhà nước cũng không đem lại được những thay đổi lớn về nền tảng tồn tại trong khu vực kinh tế phi chính thức vẫn là kinh tế thuần nông, lạc hậu.

- Sự khác biệt giữa nền tảng, vai trò, lao động, việc làm và mức độ hưởng thụ giữa những chủ thể ở khu vực kinh tế chính thức hay là kinh tế nhà nước với khu vực kinh tế phi chính thức là quá lớn. Theo đó, phân hoá tài sản, vốn đầu tư, cơ hội việc làm để nhóm người lao động ở đây có điều kiện bứt phá thoát nghèo hội nhập vào chuỗi cung ứng sản phẩm cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu là khó khăn.

- Việt Nam là quốc gia đang ở giai đoạn đầu của nền kinh tế đang phát triển, đó là một bước tiến đáng ghi nhận sự cố gắng của nước nhà trên con đường hội nhập. Tuy nhiên, nếu không vượt qua chính mình để thúc đẩy phát triển, quản trị kinh tế trong môi trường kỷ nguyên số và đặc biệt không nâng cao chất lượng lao động, việc làm khu vực kinh tế phi chính thức thích ứng điều kiện mới sẽ có nguy cơ tụt hậu trở lại nước kém phát triển. Điều cốt yếu là lao động, việc làm và giá trị xã hội mà người dân và lao động khu vực kinh tế phi chính thức được có cơ hội tiếp cận, đổi mới nhiều hơn.

Cụ thể về mục đích: Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập góp phần phục hồi và phát triển kinh tế

- xã hội giai đoạn 2021-2025. Trong đó, các yếu tố của thị trường lao động được phát triển đồng bộ và hiện đại; chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động được nâng cao. Thị trường lao động đóng vai trò chủ động trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, đảm bảo kết nối thị trường lao động trong nước với thị trường lao động của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Theo Khung Chương trình mới đưa ra khuôn khổ hợp tác giữa Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và các đối tác tại Việt Nam cho tới năm 2026 với mục tiêu hướng tới việc làm thỏa đáng và bền vững cho tất cả mọi người.

- Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau sẽ đóng góp và thụ hưởng một cách công bằng từ quá trình chuyển đổi kinh tế bền vững, toàn diện và đáp ứng giới dựa trên đổi mới sáng tạo, tinh thần kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng.

- Đối tượng lao động, làm việc ở khu vực kinh tế phi chính thức sẽ được thụ hưởng từ các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội có tính toàn diện, có trách nhiệm giới, nhạy cảm với người khuyết tật, công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng. Với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, toàn diện, bền vững và tăng quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình. Giảm dần sự chênh lệch khác biệt giữa lao động việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức với khu vực kinh tế chính thức bằng việc họ được thụ hưởng và đóng góp vào một xã hội công bằng, an toàn và toàn diện hơn dựa trên nền tảng quản trị công được cải thiện. Điều đáng mừng là gần đây Việt Nam và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã đồng

tổ chức Tọa đàm quốc tế giới thiệu dự án Khảo sát chuỗi cung ứng việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử tại Việt Nam. Đó là cơ hội để cả hai bên có cơ sở đánh giá tổng quan về năng lực nguồn lao động và khả năng đáp ứng việc làm theo yêu cầu hội nhập của Cách mạng 4.0 trên thực tế ở nước ta hiện nay.

Tuy nhiên, về mặt thực tiễn còn có nhiều vấn đề nổi cộm cần có lộ trình giải quyết thấu đáo cả về lao động, việc làm của nền kinh tế thị trường, thúc đẩy ở rộng đầu tư trong đó đáng kể là ở khu vực kinh tế phi chính thức và thành phần kinh tế tư nhân. Những khó khăn, hạn chế trên thực tiễn đang trở thành rào cản quá trình phát triển và đặc biệt là lao động, việc làm không phải một sớm, một chiều giải quyết để thu hẹp khoảng cách lao động, thu nhập và mức sống giữa vùng nông thôn, miền núi nơi mà kinh tế phi chính thức tồn tại đã từ lâu trong lịch sử. Cụ thể:

- Trước hết là về tư duy sống và làm việc của người lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức nhìn chung là chưa tạo ra sức bật từ ý thức của mỗi cá nhân vươn lên làm chủ cuộc sống, tạo việc làm tăng thu nhập. Lối sống quần cư đã trở thành phổ biến, bền vững khó chấp nhận thay đổi với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra trên các phương diện kinh tế, xã hội. Việc kết nối hoặc đan xen các phương diện sống với khu vực kinh tế chính thức diễn ra chậm và lúng túng các giải pháp thực tiễn.

- Đan xen với những thuận lợi là các khó khăn và thách thức, trong đó phải kể đến, đó là nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực bậc cao của nước ta vừa yếu lại vừa thiếu. Hạ tầng công nghệ cho Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn quá thấp so với các nước tiên tiến và hiện đại; trình độ công nghệ nước ta đang ở vị trí thấp so với mức trung bình trên thế giới.

- Về cơ sở hạ tầng kinh- tế xã hội như điện, đường, trường, trạm, điện, mạng Internet ở khu vực kinh tế phi chính thức mặc dù đã có những thay đổi nhưng vẫn còn có khoảng cách lớn với thành phố hoặc nơi kinh tế phát triển hay so với vùng kinh tế chính thức.

- Về nhân lực lao động và quản trị lao động, nhìn chung chất lượng cung ứng lao động ở cả khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức nói riêng vẫn còn bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng cho cầu lao động của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập. Hiện có khoảng hơn 70% lao động chưa qua đào tạo từ sơ cấp trở lên [5], con số này phản ánh một thách thức lớn mà thị trường lao động Việt Nam đang phải đối mặt. Đánh giá chung, thị trường lao động chưa có sự cải thiện nhiều về chất lượng lao động khi số lao động phi chính thức làm các công việc bấp bênh, thiếu tính ổn định vẫn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng hơn ba phần năm tổng số lao động có việc làm của cả nước. Điều này không chỉ cho thấy nhu cầu cần thiết trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà còn cả sự cấp thiết trong việc mở rộng cơ hội đào tạo và cấp bằng chuyên môn, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế hiện đại. Tuy nhiên, lĩnh vực đào tạo nghề và giáo dục thường xuyên ở nước ta lâu nay rất hạn chế bởi việc quản lý nhà nước thiếu ổn định do phân cấp quản lý giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Lao động Thương binh xã hội.

3.3.2 Về phương diện pháp lý của lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay phát triển kinh tế xã hội nói chung, trong đó vấn đề thể chế pháp lý, lao động việc làm là những nội dung có vai trò quan trọng cần được qui định cụ thể và bảo đảm thực thi trên thực tế. Tuy nhiên, đáng tiếc là nhà nước ta chưa có một

văn bản nào giành riêng cho phát triển khu vực kinh tế phi chính thức. Ngay cả trong Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát (kinh tế phi chính thức) do Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cũng không đề cập trực tiếp. Thực chất khu vực kinh tế chưa được quan sát, thống kê, cập nhật số liệu về cơ bản thuộc khu vực kinh tế phi chính thức. Trong chương trình thu thập dữ liệu thống kê đo lường 5 nhóm hoạt động khu vực kinh tế chưa được quan sát gồm: Kinh tế ngầm, kinh tế bất hợp pháp, kinh tế phi chính thức chưa được quan sát, kinh tế tự sản, tự tiêu của hộ gia đình và hoạt động kinh tế bị bỏ sót không đưa vào số liệu thống kê kinh tế quốc gia (GDP) theo Luật Thống kê năm 2015 và các văn bản liên quan khác. Mặc dù sự hiện diện và tỷ trọng đóng góp ngân sách cho các địa phương và nhà nước của khu vực kinh tế này không hề nhỏ.

Ở phương diện pháp lý, có thể chia làm hai góc độ khác nhau gồm: (i) Các qui định pháp luật quốc tế gồm công ước và các hiệp ước song, đa phương mà Việt Nam đã thừa nhận hoặc ký kết phải tôn trọng cam kết thực thi, (ii) Các qui định pháp luật trong nước điều chỉnh liên quan đến lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức.

Thứ nhất, liên quan đến phương diện pháp lý quốc tế, Việt Nam cần tôn trọng thực thi các qui định về lao động, việc làm của Tổ chức lao động quốc tế (ILO), đồng thời nội luật hoá các qui định có liên quan trong Bộ luật lao động, Luật việc làm phù hợp với điều kiện thực tiễn ở mỗi giai đoạn và từng lĩnh vực cụ thể. Trước hết, cần tôn trọng sự ràng buộc trong qui định ở các văn bản mang tính toàn cầu như: Tuyên ngôn chung về nhân quyền “*Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm, được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, và được bảo vệ chống thất nghiệp*”. Hiến chương ILO (1919)

“Xét rằng việc cải thiện điều kiện lao động là cần kíp, với yêu cầu rằng nguyên tắc tự do liên kết được công nhận”. Tuyên bố của ILO về các Nguyên tắc và Quyền cơ bản trong Lao động (1998): *“Tự do liên kết và công nhận hiệu quả quyền thương lượng tập thể”* nằm trong số những nguyên tắc và quyền cơ bản mà các quốc gia thành viên của ILO có nghĩa vụ *“tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện”*. Ngoài ra còn có Tuyên bố năm 1998 và rất nhiều các công ước cơ bản của ILO như: Công ước 87 và 98 về tự do liên kết và thỏa ước lao động tập thể (các tiêu chuẩn lao động cốt lõi);- Công ước 29 và 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức và bắt buộc (các nguyên tắc và quyền lao động nền tảng); Công ước 138 và 182 về xóa bỏ lao động trẻ em (các tiêu chuẩn lao động được quốc tế thừa nhận); Công ước 100 và 111 về xóa bỏ phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp (các công ước nhân quyền trong LĐ)... Việc ghi nhận các quy định của các Công ước và khuyến nghị quốc tế về lao động hiện có, trực tiếp liên quan tới chính sách việc làm, đặc biệt là Công ước và Khuyến nghị về Dịch vụ việc làm, 1948, Khuyến nghị về Hướng nghiệp, 1949, Khuyến nghị về Đào tạo nghề, 1962, Công ước và Khuyến nghị về Sự phân biệt đối xử (việc làm và nghề nghiệp). Công ước số 122 của Tổ chức lao động quốc tế qui định: Để kích thích tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao mức sống, đáp ứng nhu cầu về nhân công và giải quyết vấn đề thất nghiệp và thiếu việc làm, mỗi nước thành viên phải tuyên bố và áp dụng, như một mục tiêu thiết yếu, một chính sách tích cực nhằm xúc tiến toàn dụng lao động, có năng suất và được tự do lựa chọn. Chính sách đó phải nhằm bảo đảm:

- Sẽ có việc làm cho tất cả những người sẵn sàng làm việc và đang kiếm việc làm; việc làm đó càng có năng suất càng tốt; sự tự do lựa chọn làm

việc và cơ may rộng lớn nhất cho mỗi người lao động để đạt được trình độ tay nghề và sử dụng được trình độ tay nghề và năng khiếu của mình trong một công việc thích hợp, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, chính kiến, dòng dõi dân tộc hoặc nguồn gốc xã hội.

- Chính sách đó sẽ phải chú ý đến các giai đoạn và trình độ phát triển kinh tế, cũng như những mối quan hệ giữa các mục tiêu về việc làm với các mục tiêu kinh tế và xã hội khác, và sẽ được áp dụng bằng các phương pháp phù hợp với điều kiện và tập quán quốc gia. Đối với lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức gần đây, chúng ta cần thực hiện các khuyến nghị được nêu ra trong Nghị quyết của Hội nghị lao động quốc tế tháng 6/2023.

Thứ hai, về phương diện pháp luật quốc gia, vấn đề lao động, việc làm được qui định khá đầy đủ và tương đối cụ thể, rõ ràng trong Bộ luật lao động và Luật việc làm. Tuy nhiên, lĩnh vực lao động, việc làm trên thực tế gắn liền với đời sống dân sự của con người, nó có liên quan hoặc không tách rời các lĩnh vực khác của điều chỉnh pháp luật như Luật qui hoạch, Luật xây dựng, Luật doanh nghiệp, Luật thuế, Luật nhà ở,... Mặt khác, lao động, việc làm và an sinh xã hội nói chung và đặc biệt trong khu vực kinh tế phi chính thức là nhóm đối tượng điều chỉnh ưu đãi của các chính sách kinh tế xã hội. Bởi vậy, ở nước ta hiện nay, hoàn thiện cơ chế pháp lý đối với lao động, việc làm trong điều kiện hội nhập của Cách mạng 4.0 và môi trường số hoá cần hướng tới giải quyết có hiệu quả, thực chất các nội dung cơ bản sau:

Một là, theo chúng tôi, trước hết về mặt pháp lý ở Việt Nam cần sử dụng đúng định danh tên gọi “khu vực kinh tế phi chính thức” theo qui định của quốc để bảo đảm sự quan tâm nhiều hơn, thực chất hơn cho sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội

khu vực này (hiện nay được biết chưa có một văn bản qui phạm pháp luật chính thức ghi nhận tên gọi Khu vực kinh tế phi chính thức mà chỉ có Công văn số 1127/TCTK-TKQG của Tổng cục Thống kê, ngày 13/9/2019 về hướng dẫn sử dụng khái niệm khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình, khu vực phi chính thức). Pháp luật cần tạo khả năng để lao động và có việc làm bền vững cho người dân ở khu vực kinh tế phi chính thức bởi với họ chỉ có lao động và được lao động mới đem lại những giá trị hiện sinh cho cuộc đời và gia đình họ. Về nguyên lý, lao động bền vững là những công việc đảm bảo đủ các điều kiện về mặt tự do, an toàn giành cho các chủ thể gồm 4 yếu tố cốt lõi: (a) Các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc theo chuẩn mực lao động quốc tế; (b) Phải có cơ hội làm việc thực tế và thu nhập; (c) Phải được chăm lo bảo trợ xã hội và phúc lợi xã hội; (d) Phải có cơ chế đối thoại xã hội và cơ chế bốn bên gồm: người lao động, chủ sử dụng lao động, tổ chức của người lao động và bên môi giới lao động trước sự giám sát của nhà nước.

Hai là, định chế pháp luật cần hướng tới tư cách pháp lý, vai trò, chức năng đại diện đối thoại của người lao động. Đối với người lao động nghèo ở khu vực kinh tế phi chính thức thì sức lao động là hàng hoá lớn nhất bởi vậy nó phải được pháp luật ghi nhận trong tư cách pháp lý của người lao động để giúp họ tự tin và làm việc. Muốn vậy, nhà nước bằng pháp luật phải công nhận và hoàn thiện tư cách pháp lý cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức dưới các lĩnh vực lao động của họ. Quan trọng nhất là tạo lập môi trường pháp lý để người lao động được tự do lập hội, thương lượng tập thể, thúc đẩy đối thoại với các chủ thể khu vực kinh tế chính thức và nhà nước.

Ba là, điều chỉnh pháp luật đối với lao động, việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức cần bảo đảm chất lượng các văn bản qui phạm, các qui phạm pháp luật chỉ giành đặc thù cho khu vực kinh tế này và nhóm đối tượng đang lao động, làm việc trong môi trường này. Làm sao tạo ra được sự hợp lực giữa năng suất lao động với nguồn thu, lợi ích và tài sản của người lao động ngoài các nghĩa vụ đối với nhà nước được đảm bảo.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường, đẩy mạnh quá trình thực hiện chính sách nông thôn mới, chính sách giao đất, giao rừng cho người dân ở vùng cao, vùng sâu, hải đảo, biên giới để họ chủ động quá trình sản xuất, cải thiện nâng cao mức sống mình. Đặc biệt, khuyến khích phong trào Chương trình Quốc gia mỗi xã một sản phẩm (One Commune One Product - OCOP) nhằm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực, gia tăng giá trị theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm là, tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới nhằm thực hiện bền vững các tiêu chí về sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt khu vực nông thôn. Theo đó, trọng tâm chương trình là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp và dịch vụ có lợi thế tại mỗi địa phương theo chuỗi giá trị do các thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể thực hiện. Muốn vậy cần hỗ trợ hạ lãi suất cho vay vốn ngân hàng và tiếp cận nguồn vốn phi chính phủ cho các chủ thể kinh doanh, ưu đãi thuế, chậm thuế hoặc dẫn thuế.

Sáu là, các yếu tố cốt lõi của đời sống dân sinh điện, đường, trường, trạm, xoá đói, giảm nghèo, nhà dột nát,... cần được giải quyết cho người dân ở khu vực kinh tế phi chính thức để họ mới an tâm cho lao động, việc làm. Khuyến khích các mô

hình kinh tế gia đình, tổ hợp tác tham gia chuỗi sản xuất nông sản sạch cung ứng cho xuất khẩu. Đặc biệt các sản phẩm xuất khẩu theo tiêu chuẩn đã ký trong các hiệp ước đối tác kinh tế với nước ngoài như EVFTA về xuất xứ nguồn gốc sản phẩm, hàm lượng thuốc bảo vệ sản phẩm cho phép. Nhìn chung, khu vực kinh tế phi chính thức cần được hội nhập và đồng hành cùng khu vực kinh tế chính thức, kinh tế xanh, kinh tế tri thức. Thủ tướng Chính phủ đã khởi động một kỳ vọng các nguồn lực lao động, việc làm ở mọi thành phần kinh tế cho tăng trưởng tế hai con số khởi đầu kỷ nguyên mới từ năm 2025 bằng ý chí và quyết tâm:

- Mọi cơ chế, chính sách, quản lý phải hướng đến người cán bộ, công chức, viên chức trẻ cần được tăng cường đào tạo ở cơ sở. "Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi, thì chỉ bàn làm, không bàn lùi". Quá trình sắp xếp phải bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.

- Đối với công việc, nhiệm vụ của năm mới 2025, Thủ tướng nhấn mạnh 5 “tiên phong”: (+) Tiên phong trong đổi mới tư duy vì nguồn lực bất nguồn tư duy, động lực bắt nguồn từ sự đổi mới, sức mạnh bắt nguồn từ nhân dân, nghĩ sâu, làm lớn, nhìn xa, trông rộng, đã nói là làm, đã làm phải ra kết quả; (+) Tiên phong trong xây dựng thể chế, xác định thể chế là “đột phá của đột phá”, tháo gỡ mọi vướng mắc trong thể chế, thể chế là nguồn lực, động lực cho sự phát triển; (+) Tiên phong trong dẫn dắt, thu hút mọi nguồn lực đầu tư của xã hội, của trong nước và ngoài nước để phát triển nhanh và bền vững. Tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, cơ cấu

lại nền kinh tế., (+) Tiên phong trong xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, hoạch định chính sách trên cơ sở dữ liệu mang tính khoa học, sát thực tế chứ không hoạch định chính sách trên cơ sở cảm tính [6].

4. KẾT LUẬN

Khu vực kinh tế phi chính thức là một phần không thể thiếu hoặc tách rời của nền kinh tế quốc gia. Ở nước ta, thực tiễn còn có nhiều hạn chế về điều kiện, cơ chế tiếp cận qui mô nền sản xuất lớn trong môi trường toàn cầu hoá, hội nhập của Cách mạng công nghiệp 4.0 và kỷ nguyên số. Trách nhiệm của nhà nước, cộng đồng xã hội và mọi chủ thể khác cần chung tay vực dậy khu vực kinh tế này đồng hành hội nhập với yêu cầu cao về lao động, việc làm của nền kinh tế số, kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các đảm bảo đối với an sinh xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hữu Dũng (2023). Bảo đảm an sinh xã hội cho lao động khu vực phi chính thức - Vấn đề và giải pháp, *Tạp chí Cộng sản*. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/827213/bao-dam-an-sinh-xa-hoi-cho-lao-dong-khu-vuc-phi-chinh-thuc---van-de-va-giai-phap.aspx#
- [2] Ngân Anh (2024). *Lao động phi chính thức vẫn chiếm tỷ trọng lớn*, *Báo Nhân dân*. <https://nhandan.vn/lao-dong-phi-chinh-thuc-van-chiem-ty-trong-lon-post814295.html>
- [3] Phi Hùng (2023). Thấy gì từ dữ liệu về kinh tế phi chính thức, kinh tế ngầm ở Việt Nam? *Báo Công lý*. <https://congly.vn/thay-gi-tu-du-lieu-ve-kinh-te-phi-chinh-thuc-kinh-te-ngam-o-viet-nam-391810.html>
- [4] Kim Thanh (2023), ILO và Việt Nam thống nhất khuôn khổ hợp tác mới về việc làm, an sinh xã hội. *Tạp chí Cộng sản*.

<https://dangcongsan.vn/xa-hoi/ilo-va-viet-nam-thong-nhat-khuon-kho-hop-tac-moi-ve-viec-lam-an-sinh-xa-hoi-634444.html>

[5] Ngân Anh (2024). Tăng cơ hội đào tạo nghề cho lao động phi chính thức trong nền kinh tế số. *Báo Nhân dân*. <https://nhandan.vn/tang-co-hoi-dao-tao-nghe-cho-lao-dong-phi-chinh-thuc-trong-nen-kinh-te-so-post821758.html>

[6] Thanh Giang (2024), Tiên phong trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, góp phần xây dựng Quân đội chính quy, hiện đại. *Báo Nhân dân*. <https://nhandan.vn/tien-phong-trong-nghien-cuu-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-gop-phan-xay-dung-quan-doi-chinh-quy-hien-dai-post851217.html>